UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG TH-THCS WELLSPRING
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học và Trung học cơ sở Wellspring
Năm học 2026 – 2027

1. Cấp Tiểu học:

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	**Lớp 2**	**Lớp 3**	**Lớp 4**	**Lớp 5**
I	Căn cứ Tuyển sinh	*Căn cứ công văn số 1161/SGDĐT-QLT ngày 25/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2026-2027* *Thực hiện công văn số 155/KH-UBND ngày 30/3/2026 của Ủy ban nhân dân phường Bồ Đề về kế hoạch thực hiện công tác tuyển sinh vào trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2026-2027 phường Bồ Đề*				
II	Chương trình giáo dục	Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018				
III	Chỉ tiêu chất lượng giáo dục	- 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất - 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học - 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học - 100% học sinh được giáo dục kĩ năng sống - 100% học sinh được học nội dung giáo dục STEM - 100% học sinh tốt nghiệp lớp 5 biết bơi - 100% học sinh được tham gia BHYT và khám sức khỏe vào đầu năm học.				
IV	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- 100% học sinh lên lớp đối với học sinh lớp 1, 2, 3, 4 - 100% học sinh lớp 5 Hoàn thành Chương trình Tiểu học và đủ khả năng để học ở cấp học trên				
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Xây dựng môi trường xanh, sạch đẹp, an toàn - Lớp học thông thoáng, đủ ánh sáng, máy điều hoà nóng – lạnh - Đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, thiết bị dạy học cho các lớp - Các lớp học được trang bị đầy đủ phương tiện học tập hiện đại - Có phòng học bộ môn phục vụ học tập như các phòng: Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc, Múa, Võ thuật, Stem-Robotics - Có sân chơi rộng rãi, sân đa năng, bể bơi bốn mùa - Có các Câu lạc bộ tự chọn trong giờ học				

Scanned with CamScanner

		- Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tham gia các hội thi, các giải thi đấu TDTT cấp Quận, thành Phố, Quốc gia và Quốc tế - Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, sức khoẻ cho học sinh: + Thực hiện nghiêm túc các qui định về "Trường học an toàn – Phòng chống tai nạn thương tích", + Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp thực phẩm đảm bảo qui định về an toàn thực phẩm + HS bán trú được chăm sóc tốt, bữa ăn đảm bảo đủ dinh dưỡng, sinh hoạt đúng giờ giấc
VI	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp tốt giữa nhà trường và PHHS nhằm tạo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, nề nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, chất lượng giáo dục cao. - Yêu cầu thái độ học tập của học sinh: + Chấp hành tốt nội qui học sinh + Thái độ học tập tích cực, chủ động + Biết cách tự học, tự giác và có kỉ luật + Năng động, sáng tạo, biết hợp tác và chia sẻ

2. Cấp THCS:

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	**Lớp 7**	**Lớp 8**	**Lớp 9**
I	Điều kiện tuyển sinh	Căn cứ công văn số 1161/SGDĐT-QLT ngày 25/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2026-2027; Thực hiện công văn số 155/KH-UBND ngày 30/3/2026 của Ủy ban nhân dân phường Bồ Đề về kế hoạch thực hiện công tác tuyển sinh vào trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2026-2027 phường Bồ Đề;			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ GDĐT			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và	- Phối hợp tốt giữa nhà trường và PHHS nhằm tạo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, nề nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, chất lượng giáo			

Scanned with CamScanner

	gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	dục cao. - Yêu cầu thái độ học tập của học sinh: • Chấp hành tốt các nội quy học sinh. • Thái độ học tập tích cực, chủ động. • Biết cách tự học, tự giác và có kỷ luật. • Năng động, sáng tạo, biết hợp tác và chia sẻ.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. - Lớp học thông thoáng, đủ ánh sáng, điều hòa. - Đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, thiết bị dạy học cho các lớp. - Các lớp học được trang bị đầy đủ phương tiện học tập hiện đại. - Có phòng học phục vụ học tập theo bộ môn như các phòng: Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc, Nấu ăn, Gym, … - Có sân chơi rộng rãi, nhà đa năng, bể bơi … - Có các lớp tự chọn, câu lạc bộ, hoạt động trưa phong phú. - Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chọn Học sinh giỏi, tham gia các giải thi đấu TDTT cấp Phường, Thành phố và Quốc gia.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% học sinh hoàn thành rèn luyện phẩm chất đạo đức khá tốt. Không có HS xếp loại rèn luyện đạt và chưa đạt. - 65% học sinh đạt danh hiệu từ học sinh giỏi trở lên. - 100% học sinh lớp 9 được công nhận hoàn thành chương trình THCS. - Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, sức khỏe cho học sinh. - HS bán trú được chăm sóc tốt, bữa ăn đảm bảo đủ dinh dưỡng, sinh hoạt đúng giờ giấc. - 100% học sinh được tham gia BHYT và khám sức khỏe vào đầu năm học.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% học sinh được trang bị kiến thức và phẩm chất đủ khả năng để học ở lớp trên hoặc cấp học trên.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ WELLSPRING

LÊ THỊ THÚY NGÀ

Scanned with CamScanner

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG TH-THCS WELLSPRING
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường Tiểu học và Trung học cơ sở Wellspring (Năm học 2025 – 2026)

1. Cấp Tiểu học

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	544	77	98	122	126	121
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày**	544	77	98	122	126	121
III	**Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất**	544	77	98	122	126	121
1	Tốt	544 100%	77 100%	98 100%	122 100%	126 100%	121 100%
2	Đạt	0	0	0	0	0	0
3	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
IV	**Thống kê đánh giá giáo dục học sinh**	544	77	98	122	126	121
1	Hoàn thành Xuất sắc	448 82,3 %	56 72,7%	76 77,5%	107 87,7%	108 85,8%	101 83,5%
2	Hoàn thành tốt	58 10,7%	12 15,6%	14 14,3%	8 6,6%	9 7,1%	15 12,4%
3	Hoàn thành	38 7%	9 11,7%	8 8,2%	7 5,7%	9 7,1%	5 4,1%
V	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	544	77	98	122	126	121
1	Lên lớp	544 100%	77 100%	98 100%	122 100%	126 100%	121 100%
a	Trong đó: Học sinh được khen thưởng cấp trường	505 92,8%	68 88,3%	89 90,8%	115 94,3%	117 92,9%	116 95,9%
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng	61 11,2%	8 10,4%	10 10,2%	14 11,5%	15 11,9%	14 11,6%
2	Ở lại lớp	0	0	0	0	0	0

Scanned with CamScanner

2. Cấp THCS

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện**	**599**	**111**	**137**	**201**	**150**
1	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)	599 100%	111 99.29%	137 99.53%	201 100%	150 100%
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
3	Đạt (tỉ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
4	Chưa đạt (tỉ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
II	**Số học sinh chia theo kết quả học tập**	**599**	**111**	**137**	**201**	**150**
1	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)	471 78.63%	101 90.99%	101 73.72%	151 75.12%	118 78.67%
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	111 18.53%	10 9.01%	30 21.9%	41 20.4%	30 20%
3	Đạt (tỉ lệ so với tổng số)	17 2.84 %	0 0.00%	6 4.38%	9 4.48%	2 1.33%
4	Chưa đạt (tỉ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**599**	**111**	**137**	**201**	**150**
1	Lên lớp (tỉ lệ so với tổng số)	599 100%	111 99.29%	137 99.53%	201 100%	150 100%
a	Học sinh xuất sắc (tỉ lệ so với tổng số)	219 36.56%	42 37.84%	49 35.77%	68 33.83%	60 40%
b	Học sinh giỏi (tỉ lệ so với tổng số)	252 42.07%	59 53.15%	52 37.96%	83 51.29%	58 38.67%
2	Thi lại (tỉ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
3	Lưu ban (tỉ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%

Scanned with CamScanner

4	Chuyển trường đến/đi (tỉ lệ so với tổng số)	22/45 3.67% 7.51%	3/2 2.70% 1.80%	5/10 3.65% 7.30%	6/16 2.99% 7.96%	8/17 5.33% 11.33%
5	Bị đuổi học (tỉ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
6	Bỏ học (qua kì nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỉ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
IV	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp** (tỉ lệ so với tổng số)	**150** 100%				**150** 100%
V	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp** (tỉ lệ so với tổng số)	**150** 100%				**150** 100%
VI	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	326/273	62/49	71/66	109/92	84/66
VII	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	3			2	1

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG BỒ ĐỀ TP HÀ NỘI
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ WELLSPRING

LÊ THỊ THÚY NGÀ

Scanned with CamScanner

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG TH-THCS WELLSPRING
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học và Trung học cơ sở Wellspring
Năm học 2026 – 2027

1. Cấp Tiểu học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	27/27	2,8m²/học sinh
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	27	2,8m²/học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
III	**Số điểm trường lẻ**		
IV	**Tổng diện tích đất (m²)**	39000 m²	
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)**	1500 m²	
VI	**Tổng diện tích các phòng**	5600 m²	
1	Diện tích phòng học (m²)	56 m²	
2	Diện tích thư viện (m²)	150 m²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)	5630 m²	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)	200 m²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)	112 m²	
6	Diện tích phòng tin học (m²)	224 m²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)	56 m²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)		
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)**		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo qui định	540 bộ	20 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 1	80 bộ	20 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	100 bộ	20 bộ/lớp

Scanned with CamScanner

1.3	Khối lớp 3	120 bộ	20 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	120 bộ	20 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	120 bộ	20 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với qui định	Vượt	Vượt
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	145 bộ	4 học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		
1	Ti vi	32	1 tivi/lớp
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	32	1 máy/lớp
5	Thiết bị khác		

STT	Nội dung	Số lượng
X	**Nhà bếp**	1 (100m^2)
XI	**Nhà ăn**	2 (1000m^2)

STT	Nội dung	Số lượng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Bình quân
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	32, 1792m^2	626	2,9m^2/HS
XIII	**Khu nội trú**			

STT	Nội dung	Số lượng			Bình quân	
XIV	**Nhà vệ sinh**	**Dùng cho GV**	**Dùng cho HS**		**Số m^2/học sinh**	
			Chung	**Nam/Nữ**	**Chung**	**Nam/Nữ**
1	Đạt chuẩn vệ sinh	10	40	20/20	1,5m^2	1,5m^2/1,5m^2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

STT	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	X	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	X	
XVII	**Kết nối internet**	X	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	X	
XIX	**Tường rào xây**	X	

Scanned with CamScanner

2. Cấp THCS

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	BÌNH QUÂN
I	**Số phòng học**	**26**	**Số m^2/học sinh**
II	**Loại phòng học**		
1	Kiên cố	26	-
2	Bán kiên cố	0	-
3	Tạm	0	-
4	Số phòng học bộ môn	13	-
5	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	41	-
6	Bình quân lớp/phòng học	1	-
7	Bình quân học sinh/lớp	22	-
III	**Số điểm trường**	**1**	
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	**10.000**	**20**
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	**7.000**	**15**
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	1700	31
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	600	1
3	Diện tích thư viện (m^2)	150	0.3
4	Diện tích nhà tập đa năng (m^2)	350	0.6
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)	60	0.1
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đvt: Bộ)**		**Số bộ/lớp**
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	150	25
1.2	Khối lớp 7	125	25
1.3	Khối lớp 8	150	25
1.4	Khối lớp 9	225	25
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 6	0	0
2.2	Khối lớp 7	0	0
2.3	Khối lớp 8	0	0
2.4	Khối lớp 9	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý	1	

Scanned with CamScanner

VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đvt: Bộ)**	**75**	**0.13**
IX	**Tổng số thiết bị dung chung khác**		**Số thiết bị/lớp**
1	TV	26	1
2	Loa	26	1
3	Máy chiếu	13	0.46

	Nội dung	Diện tích (m^2)
X	**Nhà bếp**	150
XI	**Nhà ăn**	750
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	600
XIII	**Khu nội trú**	300

XIV	**Nhà vệ sinh**	**Dùng cho GV**	**Dùng cho HS**		**Số m^2/học sinh**	
			Chung	**Nam/Nữ**	**Chung**	**Nam/Nữ**
1	Đạt chuẩn vệ sinh	6	0	10	0	0.4
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối Internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (Website) của nhà trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG BẮC TỪ LIÊM T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ WELLSPRING

LÊ THỊ THÚY NGÀ

Scanned with CamScanner

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG TH-THCS WELLSPRING
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trường Tiểu học và Trung học cơ sở Wellspring, năm học 2026-2027

1. Cấp Tiểu học

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Chuẩn nghề nghiệp			
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lí và nhân viên		TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
I	**Giáo viên**	**70**									
1	Cơ bản	28		7	21						
2	Ngoại ngữ	28		8	20						
3	Tin học	2		1	1						
4	Âm nhạc	4			3	1					
5	Mỹ thuật	3			3						
6	Thể dục	5		1	4						
II	**Cán bộ quản lý**	**3**									
1	Hiệu trưởng	1		1							
2	Phó Hiệu trưởng	2		1	1						
III	**Nhân viên**	**12**									
1	Nhân viên văn thư	3			3						
2	Nhân viên kế toán	2			2						
3	Thủ quỹ	1			1						
4	Nhân viên y tế	2			2						
5	Nhân viên thư viện	1			1						
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1						
7	Nhân viên công nghệ thông tin	2			2						
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật										

2. Cấp THCS

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, CBQL và	**51**		**36**	**15**										

Scanned with CamScanner

	nhân viên														
I	**Giáo viên**	**45**		**34**	**11**										
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	7		7	0										
2	Lý	4		4	0										
3	Hóa	2		2	0										
4	Sinh	2		2	0										
5	Văn	6		5	1										
6	Sử	1		1	0										
7	Địa	1		1	0										
8	Anh văn	5		4	1										
9	Công nghệ	1		1	0										
10	Âm nhạc	2		1	1										
11	Mỹ thuật	2		1	1										
12	GDCD	5		3	2										
13	Tin học	1		1	0										
14	KHTN	1		1	0										
15	LSĐL	1		1	0										
16	GDTC	5		0	5										
II	**Cán bộ quản lý**	**2**		**2**	**0**										
1	Hiệu trưởng	1		1	0										
2	Phó hiệu trưởng	1		1	0										
III	**Nhân viên**	**4**		**0**	**4**										
1	Nhân viên văn thư	1		0	1										
2	Nhân viên kế toán														
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	2		0	2										
5	Nhân viên thư viện	1		0	1										

Scanned with CamScanner

7	Nhân viên thiết bị thí nghiệm														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên Bảo vệ														
10	Nhân viên tạp vụ														

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ WELLSPRING

LÊ THỊ THÚY NGÀ

Scanned with CamScanner